

BÀN VỀ MỘT SỐ TIÊU CHÍ TRONG TUYỂN CHỌN GIÁO VIÊN TIẾNG ANH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

NGUYỄN MINH TUẤN*

Ngày nhận bài: 23/08/2016; ngày sửa chữa: 23/08/2016; ngày duyệt đăng: 23/08/2016.

Abstract: As a native speaker of English (or a secondary English speaker), foreigners hold advantages in working as English teachers. Despite this advantageous language competency, to become a qualified English teacher, a foreigner, however, is supposed to meet more basic requirements. The article mentions criteria for recruiting foreign teachers, and offers some suggestions in standardizing teachers after recruitment.

Keywords: Criteria, recruitment, English teacher, foreigner.

Bộ GD-ĐT đã ban hành các yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên Tiếng Anh (GVTA) phổ thông [1]. Trên bình diện tổng quát, các yêu cầu cơ bản này cũng có thể áp dụng chung đối với giáo viên (GV) mầm non cho trẻ làm quen tiếng Anh và giảng viên ở các bậc học cao hơn (như trung cấp, cao đẳng và đại học).

Tuy nhiên, những yêu cầu căn bản trên cần được cụ thể hóa thành các tiêu chí về chuyên môn trong việc tuyển chọn GVTA nói chung, GV là người nước ngoài nói riêng. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi đề xuất một số tiêu chí cơ bản để lựa chọn tuyển dụng và một số giải pháp để “chuẩn hóa” GV là người nước ngoài sau khi được tuyển dụng trong các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

1. Một số vấn đề chung

1.1. Những yêu cầu đổi mới đối với GV. Theo tiến sĩ Diana Dukzid, thế kỉ XXI đòi hỏi GV nói chung, GVTA phải hội tụ nhiều yếu tố, phẩm chất hơn bao giờ hết. Bên cạnh năng lực chuyên môn thường được hiểu là năng lực tiếng Anh và kiến thức - kĩ năng sư phạm, GV cần phải có năng lực thuộc các lĩnh vực khác như: hiểu biết về người học, về bối cảnh; có thái độ và giá trị nghề nghiệp... [2]. Thời đại mới đã đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với GV để hướng tới và hoàn thiện.

Nghị quyết số 29-NQ/TW tại Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI đã chỉ rõ: “Đổi mới căn bản, toàn diện, gắn với nhu cầu phát triển KT-XH, chuyển từ đào tạo theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả” [3]. Điều này đặt ra vấn đề cốt lõi, trung tâm đối với GV là: Yêu cầu chuyển từ dạy học nặng về truyền thụ kiến thức sang vai trò gợi mở, phát huy tính chủ động, sáng tạo nhằm hình thành phẩm chất và phát triển năng lực của người học. Do đó: Dạy học chuyển từ cách tiếp cận nội dung (ghi chép nhiều) sang tiếp cận phát triển năng lực

(năng lực tự học, tự nghiên cứu), đáng chú ý bậc nhất là năng lực sáng tạo và năng lực hợp tác; đó là sự chuyển từ đánh giá khả năng ghi nhớ đơn thuần sang đánh giá phẩm chất và năng lực (năng lực sáng tạo, khả năng phân tích, tổng hợp, luận giải và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn), đánh giá trình độ lĩnh hội nội dung học tập, hình thành kĩ năng, thái độ của người học trong quá trình học tập ở những tầng bậc khác nhau.

1.2. Những yêu cầu cơ bản về năng lực GVTA

Các yêu cầu cơ bản về năng lực GVTA có thể tổng hợp thành 5 nhóm năng lực thuộc 5 lĩnh vực như sau [1]:

1.2.1. Kiến thức về môn học và chương trình:

- **Năng lực tiếng Anh:** GVTA phải đạt bậc 4/6 trở lên (đối với GV tiểu học và trung học cơ sở), bậc 5/6 trở lên (đối với GV ở cơ sở đào tạo từ trung học phổ thông trở lên) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam [4].

- **Hiểu và vận dụng Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:** Nắm vững những đặc tả về các bậc trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và vận dụng trong dạy học.

- **Kiến thức về hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh:** Nắm vững hệ thống ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để vận dụng vào việc giảng dạy theo từng cấp học.

- **Hiểu biết về việc học tiếng Anh:** GV hiểu và có khả năng áp dụng kiến thức về việc học tiếng Anh trong giảng dạy và tự học, tự bồi dưỡng.

- **Hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh:** Hiểu biết những nét cơ bản về văn hóa của các nước nói tiếng Anh; có khả năng so sánh, đối chiếu với văn hóa Việt Nam và đưa các kiến thức văn hóa vào việc giảng dạy.

- **Năng lực khai thác tài liệu viết bằng tiếng Anh:** Có khả năng sử dụng các tài liệu văn học, văn hóa và học

* Trưởng Cao đẳng Sư phạm Trung ương

thuật viết bằng tiếng Anh phù hợp với cấp học để dạy tiếng Anh.

- *Hiểu biết về chương trình tiếng Anh phổ thông:* Nắm được Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh theo từng cấp học và có khả năng sử dụng sách giáo khoa, tài liệu giảng dạy phù hợp với mục tiêu chương trình trong thiết kế bài giảng.

1.2.2. Kiến thức về dạy học tiếng Anh

- *Phương pháp dạy học tiếng Anh:* GV có khả năng tổ chức quá trình dạy học, sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học khác nhau để dạy 4 kỹ năng: nghe - nói - đọc - viết cho học sinh (HS) phù hợp với cấp học.

- *Thiết kế bài giảng:* GV có khả năng thiết kế bài giảng cho từng bài học đảm bảo nội dung chương trình và phát triển bốn kỹ năng nghe - nói - đọc - viết giúp HS nắm vững dạng thức và chức năng ngôn ngữ.

- *Tổ chức các hoạt động dạy học:* GV có khả năng xây dựng môi trường học tập tiếng Anh và tổ chức các hoạt động với nhiều hình thức khác nhau để tăng cường giao tiếp bằng tiếng Anh phù hợp với đặc điểm HS và điều kiện dạy học cụ thể.

- *Đánh giá kết quả học tập tiếng Anh:* GV hiểu và có khả năng lựa chọn các hình thức đánh giá, xây dựng các đề kiểm tra và thi, tổ chức thực hiện việc đánh giá thường xuyên, định kỳ kết quả học tập và năng lực tiếng Anh của HS; biết sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy và học.

- *Lựa chọn và sử dụng các tài liệu, học liệu dạy tiếng Anh:* GV có khả năng lựa chọn và khai thác các nguồn tài liệu, học liệu phù hợp và có tác dụng hỗ trợ cho việc học tiếng Anh của HS; điều chỉnh nội dung các học liệu có sẵn cho phù hợp với mục tiêu bài học.

- *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiếng Anh:* GV biết khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để hỗ trợ cho việc dạy và học tiếng Anh.

1.2.3. Kiến thức về HS:

- *Hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lý của HS:* GV hiểu được sự phát triển về nhận thức, tình cảm và cảm xúc, thái độ học tập của HS để điều chỉnh các hoạt động dạy học cho phù hợp.

- *Hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của HS:* GV có hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của HS theo từng giai đoạn. Từ đó, điều chỉnh hoạt động dạy học cho phù hợp với HS.

- *Phát triển giá trị văn hóa và kinh nghiệm của người học:* GV vận dụng các hiểu biết về giá trị văn hóa, kinh nghiệm học tập của bản thân và HS vào quá trình giảng dạy nhằm phát huy tiềm năng và khơi dậy hứng thú học tập tiếng Anh cho HS.

- *Phát triển tính sáng tạo và tư duy phê phán của HS:* GV thực hành tư duy sáng tạo và tư duy phê phán để tự nâng cao trình độ và áp dụng vào giảng dạy để giúp HS phát triển các kỹ năng sáng tạo và tư duy phê phán phù hợp với cấp học của mình.

1.2.4. Giá trị và thái độ nghề nghiệp:

- *Thể hiện tính chuyên nghiệp trong dạy học tiếng Anh:* GV hiểu và truyền đạt được các giá trị của việc học tiếng Anh cho HS; thể hiện rõ tính chuyên nghiệp trong giảng dạy.

- *Thể hiện sự hợp tác trong giảng dạy tiếng Anh:* GV thể hiện được khả năng làm việc hợp tác, làm việc theo nhóm để thực hiện tốt hơn công việc của mình và nâng cao hiệu quả giảng dạy; hướng dẫn HS thực hành các kỹ năng này trong các giờ học tiếng Anh.

- *Khả năng phát triển chuyên môn và học tập suốt đời:* GV có khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng; biết khai thác các nguồn thông tin, tài liệu, học liệu để nâng cao kiến thức và phát triển kỹ năng.

- *Đóng góp cho việc dạy và học tiếng Anh:* GV tích cực tham gia các chương trình tập huấn, bồi dưỡng; đóng góp, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh ở trường phổ thông.

1.2.5. Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học Tiếng Anh

- *Kết nối việc dạy học tiếng Anh:* GV hiểu được tầm quan trọng và biết kết nối quá trình tự học của mình với đồng nghiệp, của HS lớp mình với những HS lớp khác, trường khác.

- *Rút kinh nghiệm quá trình dạy và học tiếng Anh:* GV thường xuyên rút kinh nghiệm, đánh giá quá trình giảng dạy, tự học, tự bồi dưỡng để tìm ra nguyên nhân và giải pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh.

Như vậy, GVTA là người nước ngoài cũng phải đáp ứng đủ các yêu cầu trên. Ngoài ra, khi tuyển chọn cho một cấp học cụ thể, GVTA còn cần phải thể hiện kiến thức tâm lý học và giáo dục học phù hợp với cấp học tham gia dạy.

2. Thực trạng việc tuyển chọn GVTA là người nước ngoài hiện nay

Nhằm nâng cao năng lực tiếng Anh cho HS, sinh viên, đặc biệt đối với khả năng nghe và nói, nhiều trường đã tích cực thuê GV nước ngoài đến giảng dạy. Tuy nhiên, các trường gặp không ít khó khăn trong kiểm soát chất lượng GV, đánh giá sâu sát chuyên môn, kỹ năng, phương pháp giảng dạy để có cơ sở lựa chọn được những GV phù hợp.

Ngoài một số ít người nước ngoài là các chuyên gia hay GV được đào tạo chuyên ngành về lí luận và phương pháp dạy - học tiếng Anh cho người nước ngoài, phần lớn GVTA là người nước ngoài chỉ được đào tạo ngắn hạn (3-6 tháng) về các kĩ năng cơ bản trong dạy tiếng Anh cho người nước ngoài. Điều này dẫn đến nhiều bất cập về chuyên môn cũng như các yếu tố văn hóa. Về chuyên môn, người nước ngoài thường tùy hứng dạy, dạy theo sở thích, sở trường mà ít quan tâm đến việc đảm bảo tính thống nhất trong chương trình chung của trường. GV có xu hướng tổ chức các hoạt động học tập đa dạng trong giờ học, một mặt tạo được không khí học tập sôi nổi, kích thích người học chủ động sử dụng tiếng Anh một cách tự nhiên. Mặt khác, tính tùy hứng và đôi khi do thiếu kinh nghiệm và kiến thức sư phạm đã khiến cho các hoạt động trên trở nên vụn vặt, thiếu thống nhất với mục đích của bài học, chương trình.

3. Đề xuất tiêu chí tuyển dụng và giải pháp chuẩn hóa

3.1. Tiêu chí tối thiểu và giải pháp chuẩn hóa theo từng lĩnh vực. Các yêu cầu cơ bản về năng lực GVTA thuộc 5 lĩnh vực trên cần phải được cụ thể hóa thành các tiêu chí, kèm theo các công cụ đánh giá hoặc các giải pháp chuẩn hóa thông qua tập huấn, bồi dưỡng (trước và sau khi tuyển dụng). Một số tiêu chí cụ thể và giải pháp chuẩn hóa đối với từng (nhóm) yêu cầu cơ bản trên như sau: (xem *bảng*).

3.2. Xây dựng tiêu chí tuyển dụng. Để trở thành một GVTA, người nước ngoài đến từ các nước nói

Lĩnh vực	Nội dung	Tiêu chí tối thiểu/giải pháp chuẩn hóa
1. Kiến thức về môn học và chương trình	1.1. Năng lực tiếng Anh	Tốt nghiệp chương trình đào tạo 3 hoặc 4 năm sau bậc phổ thông thuộc bất kì ngành đào tạo hoặc chuyên ngành đào tạo
	1.2. Hiểu biết và vận dụng khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam	Tập huấn phổ biến sau khi tuyển dụng, đánh giá thông qua phỏng vấn, bài thu hoạch
	1.3. Kiến thức về hệ thống ngôn ngữ tiếng Anh	Chứng chỉ TKT[1], CELTA[2] hoặc tương đương [5]
	1.4. Hiểu biết về việc học tiếng Anh	Chứng chỉ TKT, CELTA hoặc tương đương [6]
	1.5. Hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh	Phỏng vấn khi tuyển dụng
	1.6. Năng lực khai thác tài liệu viết bằng tiếng Anh	Chứng chỉ TKT, CELTA hoặc tương đương
	1.7. Hiểu biết về chương trình tiếng Anh (áp dụng ở đơn vị đào tạo)	Tập huấn phổ biến sau khi tuyển dụng, đánh giá thông qua phỏng vấn, bài thu hoạch
2. Kiến thức về dạy học Tiếng Anh	2.1. Phương pháp về học tiếng Anh	Chứng chỉ TKT, CELTA hoặc tương đương
	2.2. Thiết kế bài giảng	
	2.3. Tổ chức các hoạt động dạy - học	
	2.4. Đánh giá kết quả học tập	
	2.5. Lựa chọn và sử dụng tài liệu, học liệu dạy tiếng Anh	Được đánh giá trong quá trình giảng dạy; và/hoặc được bồi dưỡng sau tuyển dụng
	2.6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học	
3. Kiến thức về người học	3.1. Hiểu biết về quy luật phát triển nhận thức, tâm sinh lí của người học	Chứng chỉ TKT, CELTA hoặc tương đương; Được phổ biến, bồi dưỡng sau khi tuyển dụng
	3.2. Hiểu biết về đặc điểm phát triển ngôn ngữ của người học	
	3.3. Phát triển giá trị văn hóa và kinh nghiệm của người học	
	3.4. Phát triển tính sáng tạo và tư duy phê phán của người học	
4. Giá trị và thái độ nghề nghiệp	4.1. Thể hiện tính chuyên nghiệp trong dạy học tiếng Anh	Được đánh giá trong quá trình giảng dạy; và/hoặc được bồi dưỡng sau tuyển dụng
	4.2. Thể hiện sự hợp tác trong giảng dạy tiếng Anh	
	4.3. Khả năng phát triển chuyên môn và học tập suốt đời	
	4.4. Đóng góp cho việc dạy và học tiếng Anh	
5. Kết nối và rút kinh nghiệm về dạy học tiếng Anh	5.1. Kết nối việc dạy học tiếng Anh	Được đánh giá trong quá trình giảng dạy; và/hoặc được bồi dưỡng sau tuyển dụng
	5.2. Rút kinh nghiệm quá trình dạy và học tiếng Anh	

[1] TKT (*Teaching Knowledge test*) là chứng chỉ của Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh quốc tế Cambridge English Language Assessment, Anh quốc. TKT là bài thi đánh giá kiến thức cơ bản của GV hoặc người được đào tạo để trở thành GV ở 3 khối: kiến thức về ngôn ngữ; kiến thức về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và hoạt động học tập của người học; kiến thức về quản lý lớp học, khai thác và phát triển học liệu.

[2] CELTA (*Certificate of English Language Teaching for Adult*): chứng chỉ của Hội đồng Khảo thí Tiếng Anh quốc tế Cambridge English Language Assessment, Anh quốc. CELTA là chứng chỉ dành cho GVTA dạy các đối tượng người học là người lớn. GV dạy Tiếng Anh cho trẻ em cần hoàn thành nội dung mở rộng được gọi là *Young Learners Extension*).

tiếng Anh như tiếng mẹ đẻ hoặc ngôn ngữ thứ hai cần phải thỏa mãn hai nhóm tiêu chí sau:

- *Tiêu chí cần phải có khi thử việc:* - Hoàn thành chương trình đào tạo 3 hoặc 4 năm ở bậc sau phổ thông, có thể thuộc ngành hoặc chuyên ngành bất kì. Ưu tiên các ngành hoặc chuyên ngành sư phạm/giáo dục hoặc các ngành gần với các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của người học; - Có chứng chỉ về nghiệp

vụ giảng dạy Tiếng Anh quốc tế như TKT, CELTA (và CELTA-YLE extensions đối với GV dạy tiếng Anh cho trẻ em) hoặc tương đương.

- *Tiêu chí sẽ được chuẩn hóa sau khi tuyển dụng:*

- Sau khi đáp ứng các tiêu chí cần nêu trên và được tuyển dụng thử việc, GV là người nước ngoài được tập huấn và được phổ biến về chương trình đào tạo, các đặc thù liên quan đến người học, chính sách ... của cơ sở đào tạo tuyển dụng GV; - GV được đánh giá dựa trên kết quả phỏng vấn, và/hoặc bài thu hoạch sau tập huấn kết hợp với kết quả đánh giá công tác dạy-học trong thời gian thử việc. Tổng hợp kết quả trên sẽ quyết định việc kí hợp đồng lao động lâu dài hay không đối với GV.

Việc GVTA là người nước ngoài là cần thiết nhằm giúp người học nắm được cách sử dụng ngôn ngữ theo đúng ngữ cảnh nước ngoài; cải thiện về nghe, nói; tạo được sự tự tin trong giao tiếp đối với người học.

Để lựa chọn được GVTA là người nước ngoài cần có các quy định cụ thể về tiêu chí, quy định về sát hạch để đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kĩ năng

và nghiệp vụ sư phạm vừa đáp ứng được yêu cầu đổi mới GV nói chung và yêu cầu đối với GVTA nói riêng. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2014). *Công văn số 792/BGDĐT-NGCBLGD* ngày 25/02/2014 của Bộ GD-ĐT về việc *Hướng dẫn thực hiện yêu cầu cơ bản về năng lực giáo viên tiếng Anh phổ thông.*
- [2] Diana Dudzik (2013). *Competencies Framework for English Language Teachers: User's Guide*, NXB
- [3] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW* ngày 4/11/2013 về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [4] Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT* ngày 24/1/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về *Ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.*
- [5] Cambridge (2015). *TKT handbook*. Cambridge Press.
- [6] Cambridge (2015). *CELTA handbook*. Cambridge Press.

Phát huy tính sáng tạo cho trẻ...

(Tiếp theo trang 197)

thoại hàng ngày. GV có thể đặt câu hỏi kèm theo màu sắc như: quả chuối hôm nay con ăn chín vàng rất đẹp; hay con có muốn đội chiếc mũ màu đỏ này không... Kết hợp sở thích của bé và sắc màu sinh động sẽ giúp phát triển và nâng cao khả năng vận dụng trí óc, phát huy được tính sáng tạo của trẻ. Yếu tố môi trường cũng đóng vai trò quan trọng thúc đẩy tính sáng tạo ở trẻ. GV hãy tạo cho bé bầu không khí học tập vui vẻ, thoải mái, cho bé tự do nêu ý kiến của mình.

GD thẩm mỹ đóng vai trò quan trọng trong GD MN. Vì vậy, nhiệm vụ đầu tiên của GD trẻ MN là GD thẩm mỹ - GD cái đẹp cho các em. GD thẩm mỹ thông qua hoạt động vẽ tranh có ý nghĩa rất quan trọng bởi đây là một hoạt động nghệ thuật hấp dẫn đối với trẻ em [5]. Hoạt động tạo hình trong trường MN là phương tiện phát triển thẩm mỹ cho trẻ một cách hữu hiệu, giúp trẻ nuôi dưỡng niềm đam mê với nghệ thuật, hướng tới cái đẹp trong cuộc sống. Thông qua hoạt động vẽ tranh, trẻ được tiếp xúc với các tác phẩm mỹ thuật (đó chính là con đường hình thành cho trẻ xúc cảm, tình cảm thẩm mỹ chân chính với từng tác phẩm,

với nghệ thuật; hình thành năng lực quan sát, năng lực nhận xét, đánh giá và khêu gợi lòng ham muốn sáng tạo cái đẹp). Hoạt động vẽ không chỉ hình thành và phát huy tính sáng tạo ở trẻ MN mà còn hình thành ở các em nhân cách tốt đẹp.

Tận dụng và phát huy cái đẹp trong cuộc sống, thiên nhiên, nghệ thuật để bồi dưỡng khả năng cảm thụ thẩm mỹ, hình thành phát triển tình cảm thẩm mỹ và năng lực sáng tạo thẩm mỹ cho trẻ MN là trách nhiệm của các nhà GD trong sự nghiệp GD trẻ em [6]. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Roselin David (người dịch: Nguyễn Thị Nhất, 1991). *Tìm hiểu trẻ em qua hình vẽ*. NXB Kim Đồng.
- [2] Nguyễn Phúc Ngọc Lâm - Lê Thu Thủy (2011). *Những câu chuyện về tính sáng tạo*. NXB Văn hoá thông tin.
- [3] V.I. Lênin (1974). *Toàn tập* (tập 5). NXB Tiến bộ.
- [4] Phan Minh Hà (2006). *Giúp trẻ hứng thú và phát triển trí tuệ trong hoạt động tạo hình*. NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Ánh Tuyết (2005). *Giáo dục mầm non - những vấn đề lí luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Leon Burton, Kathy Kuroda 1981. *Arts Play, Creative Activities in Dance, drama, Art and music for Young Children*. Addison - Wesley Publishing.
- [7] Lê Thanh Thủy (2003). *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- [8] Robert Schirrmacher (2006). *Art and Creative Development for Young children*. Thomson Delmar learning, USA, 2006.